

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2021

*“Về vụ ly hôn, chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ- TỈNH VĨNH LONG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Trường

-Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Thị Ánh Tuyết  
2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 451/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020. Về việc: “Ly hôn, chia tài sản chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: anh **Dương Quang T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Hòa An, xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: chị **Lê Thị Như Y**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp An Phú B, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ ông **Dương Văn H**, sinh năm 1956

2/ Bà **Trương Thúy P**, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: ấp Hòa An, xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thúy P là ông Dương Văn H theo giấy ủy quyền ngày 15/3/2021.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Dương Quang T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Y quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục. Đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 Tại ủy ban nhân dân xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì giữa vợ và gia đình có xảy ra mâu thuẫn, vợ tôi về nhà cha, mẹ ruột sống. Tôi đã nhiều lần khuyên vợ tôi về chung sống nhưng vợ tôi không về. Tháng 12/2019 tôi đã gửi đơn yêu cầu tòa

án nhân dân huyện Long Hồ giải quyết cho tôi được ly hôn với Y nhưng sau đó tôi đã rút lại yêu cầu. Sau một thời gian vợ chồng sống ly thân giữa tôi và Y cũng không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu tòa án cho tôi được ly hôn với Lê Thị Như Y.

*Về con chung:* Vợ chồng chung sống không có con chung.

*Về tài sản chung:* Số vàng cưới cha mẹ cho trong ngày cưới đây là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi cưới vợ chồng đã bán một lượng vàng làm vốn làm ăn, sau đó thì trị bệnh cho y đã hết số tiền này. Còn lại 01 lượng vàng cổ đất nhưng sau này y đi tôi cũng đã nhận lại một lượng vàng này. Nay Y yêu cầu nhận lại 02 lượng vàng cưới thì tôi không đồng ý. Tôi đồng ý giao cho Y 05 chỉ vàng 24K. (Ly do: 01 lượng bán làm ăn, trị bệnh đã hết. Còn lại 01 lượng thì chia 02.)

Y trình bày đưa vàng cho cha, mẹ là không đúng. Lần 01 bán cây kiềng làm ăn và trị bệnh cho Y. Lần 02 thì vợ chồng bán dây chuyền, lắc, bông tai lấy tiền này cổ đất để kiếm thêm thu nhập. Sau mỗi vụ lúa số cha tôi là ông H có đưa lại cho vợ chồng tôi số tiền là 3.000.000đồng tiền này dùng chung cho 02 vợ chồng, không sử dụng riêng cho cá nhân tôi.

*Về nợ chung:* Không có

*Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Lê Thị Như Y trình bày:***

***Tôi đã nhận được đơn yêu cầu ly hôn của anh T và tài liệu tòa án gửi cho tôi, tôi có ý kiến sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, từ năm 2018 vợ chồng tôi đã sống ly thân cho đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Dương Quang T.

*Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản chung:* Khi cưới cha mẹ, chồng có cho tôi 02 lượng vàng 24K. Sau khi cưới thì cha, mẹ chồng tôi đã mượn lại số vàng để làm ăn kinh doanh thì tôi không biết. Lần đầu tôi đưa cho anh T 9 chỉ vàng 24K; Lần 02 tôi đưa 11 chỉ cho cha, mẹ chồng tôi. Nay tôi yêu cầu anh T, ông H và bà P phải giao trả cho tôi số vàng cưới là 24 chỉ vàng 24K.

Anh T trình bày bán vàng cổ đất, việc này tôi hoàn toàn không biết, việc cổ đất chỉ do cha, mẹ chồng và T quyết định, cổ đất làm lo cho gia đình chung, không phải lo cho riêng bản thân tôi.

Việc cổ đất ông H trình bày là có, ông H có đưa lại 3.000.000đồng nhưng đưa cho anh T tôi không có nhận và cũng không sử dụng số tiền này.

*Về nợ chung:* Không có

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

**Ông Dương Văn H:** Tôi cho vàng con trong ngày cưới là cho 02 con làm vốn, tôi không cho riêng Y.

Sau cưới thì vợ chồng T và Y không có đưa vàng cưới lại cho tôi, Tôi có gọi y vợ chồng T bán vàng để làm ăn, thì vợ chồng có bán vàng làm ăn, sau đó lấy tiền trị bệnh cho Y số tiền này đã hết, tôi hoàn toàn không có sử dụng số tiền này. 01 Lượng vàng còn lại thì cổ đất của chú 4 cháu T nhưng sau đó T cũng đã trả lại đất và Chú cũng trả vàng cho T, số vàng này vợ chồng T sử dụng còn hay hết thì tôi không biết.

Nay Y cho rằng tôi giữ 02 lượng vàng cưới thì tôi hoàn toàn không có nhận và tôi không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của Y.

**Y kiến nguyên đơn tại tòa:** Tôi yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Như Y. Còn 20 chỉ vàng 24K vàng cưới là tài sản chung, tôi đồng ý đôi bông tai 01 chỉ vàng là của riêng bà Y. Mười chín chỉ còn lại đã bán hết mười chỉ sau cưới 15 ngày trị bệnh cho Y hơn ba mươi triệu số còn lại đầu tư mua đồ gia dụng điện nước về bán, hiện nay đồ gia dụng trên vẫn còn lại một ít, khi tôi bán vàng là hơn ba mươi triệu một lượng (mười chỉ). Hiện nay tôi còn giữ một lượng nếu ly hôn tôi đồng ý chia cho Y 05 chỉ vàng trả thêm cho Y một đôi bông tai trị giá một chỉ vàng 24K.

**Y kiến bị đơn tại tòa:** Tôi đồng ý ly hôn. Số vàng hai mươi chỉ vàng cưới là tài sản riêng của tôi. Lần đầu cha, mẹ chồng tôi mượn chín chỉ thông qua anh T tôi đã giao. Lần hai là mượn mười một chỉ tôi đưa trực tiếp cho cha chồng tôi. Nay tôi yêu cầu ông H, bà P và anh T trả lại cho tôi hai mươi chỉ vàng 24K. Còn vấn đề tôi bệnh là tôi có tiền điều trị riêng và tôi có tham gia bảo hiểm, khi tôi đi khám bệnh là cậu tôi gửi cho anh T mười triệu, sau khi chi phí xong còn lại một ít anh T có đưa lại cho tôi.

**Y kiến người liên quan ông H trình bày:** Số vàng cưới 20 chỉ là tôi cho chung Y và T. Tôi hoàn toàn không có nhận vàng từ Y đưa. T đã bán hết mười chỉ và mua đồ gia dụng về bán. Còn mười chỉ thì cổ đất của chú Tư. Vì đất cổ làm chung với đất tôi nên sau mỗi vụ lúa tôi có đưa vợ chồng chung 3.000.000đồng, một năm là 03 vụ. Qua giải thích của Hội đồng xét xử tôi đồng ý đôi bông tai cho trong ngày cưới là cho riêng cô dâu.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Quang T, bị đơn chị Lê Thị Như Y cũng đồng ý. Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Dương Quang T và chị Lê Thị Như Y.

[2.2] Về con chung: Không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Số nữ trang ngày cưới là hai mươi chỉ vàng 24K. Trong đó có một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K ông H và anh T chấp nhận cho

riêng chị Y, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này. Số vàng còn lại mười chín chỉ vàng 24K không có căn cứ xác định là tài sản riêng của chị Y nên xem đây là tài sản chung của vợ chồng. Ông H và bà P không thừa nhận đã mượn lại hai mươi chỉ vàng từ chị Y. Chị Y không có chứng cứ chứng minh ông H và bà P đã mượn vàng của chị, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Y là buộc ông H và bà P cùng giao trả số vàng là hai mươi chỉ. Tại phiên tòa anh T thừa nhận số vàng cưới là do anh giữ hiện nay còn lại mười chỉ, còn mười chỉ trước đây đã bán trị bệnh cho chị Y và làm vốn mua đồ điện nước về bán. Chị Y không chấp nhận số tiền trị bệnh được chi từ số tiền bán vàng cưới. Anh T cũng không có chứng cứ chứng minh việc anh bán vàng cưới để trị bệnh cho chị Y. Mặt khác, khi chị Y trị bệnh gia đình chị Y đã đưa cho anh T mười triệu đồng, anh T thừa nhận có nhận số tiền này nhưng đã đưa chị Y trả lại cho bà ngoại chị Y, chị Y không thừa nhận việc trả lại mười triệu cho bà ngoại chị. Anh T cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh việc này. Do đó hội đồng xét xử không chấp nhận khoản chi phí trị bệnh cho chị Y được chi từ khoản tiền bán vàng cưới. Đối với số tài sản là đồ gia dụng điện, nước. Tại tòa anh T và chị Y đều xác định số tài sản này không nhiều và hiện nay anh T quản lý, các đương sự cũng không chứng minh được là đã mua giá trị là bao nhiêu, bán là bao nhiêu, còn lại là bao nhiêu. Do đó số tài sản này sẽ giao hết cho anh T sử dụng và không cần trừ vào tài sản chung của vợ chồng.

Từ phân tích trên hội đồng xét xử xác định tài sản chung của vợ chồng anh T và chị Y là mười chín chỉ vàng 24K số vàng này anh T đang giữ nên có nghĩa vụ giao trả cho chị Y 50% tương đương với 9,5 chỉ vàng 24K, đôi bông tai một chỉ vàng 24K là tài sản riêng của chị Y anh T đang giữ nên anh T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Y.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí trên số tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Giá vàng 24K được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng ngày 23/3/2021 là 5.550.000đồng/1 chỉ Hội đồng xét xử thống nhất lấy giá vàng trên làm căn cứ giải quyết vụ án. Án phí chị Y nộp là 9,5 chỉ vàng 24K x 5.550.000đ x 5%= 2.636.250đồng; anh T nộp 9,5 chỉ vàng 24K x 5.550.000đ x 5%= 2.636.250đồng và 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 55 và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng tố dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**- Tuyên xử:**

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Dương Quang T và chị Lê Thị Như Y.

2/*Về con chung:* Không xem xét.

3/ *Về tài sản chung*: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị Như Y, chia cho chị Lê Thị Như Y 9,5 (chín phẩy năm) chỉ vàng 24K và chia cho anh Dương Quang T 9,5 (chín phẩy năm) chỉ vàng 24K.

Buộc anh Dương Quang T phải giao trả cho chị Lê Thị Như Y 9,5 (chín phẩy năm) chỉ vàng 24K (trong số tài sản chung) và 01 (một) chỉ vàng 24K là đôi bông tai (tài sản riêng) của chị Lê Thị Như Y.

4/ *Về án phí*: Buộc anh Dương Quang T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.636.250đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo lai thu số 0006158 ngày 19/10/2020 nên được khấu trừ và anh phải nộp tiếp là 2.636.250đ

Buộc chị Lê Thị Như Y nộp 2.636.250đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Y đã nộp tạm ứng số tiền 2.750.000đồng theo lai thu số 0006264 ngày 20/11/2020 nên được khấu trừ, chị Y được nhận lại 113.750đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSLH;
- THADS LH;
- UBND xã Hòa Lộc, TB, VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trí Trường**